TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24/6/2020
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Nguyễn Thị Lệ;

2. Nguyễn Thị Kim Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Không.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2020/QĐXXST-HN ngày 04 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ 21, ấp H, xã LA, thị xã T, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1972; Tổ 21, ấp H, xã LA, thị xã T, tỉnh An Giang.

Ông U có mặt, bà Ng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ng trình bày: Năm 1993, bà Ng và ông U tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, bà Ng và ông U chung sống hạnh phúc, đến năm 1995, bà Ng và ông U phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, tính tình không hòa hợp và sống xa nhau từ từ năm 1995 cho

đến nay. Nhận thấy, vợ chồng cuộc sống chồng hạnh phúc, không thể sống cùng nhau nên bà Ng yêu cầu ly hôn với ông U.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Ng và ông U có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh năm 1994. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Văn U trình bày: Thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến chung sống như vợ chồng như bà Ng trình bày. Thời gian đầu, ông U và bà Ng chung sống hạnh phúc đến năm 1995 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã và sống xa nhau từ năm 1995 cho đến nay. Cuộc sống tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, không thể sống cùng nhau nên ông U đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Ng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông U và bà Ng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh năm 1994. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải về con chung do con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động; không hòa giải về tình cảm do bà Ng và ông U không đăng ký kết hôn;

Tại phiên tòa, ông U khai, vào năm 1995, bà Ng đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh mỗi năm ông U và bà Ng chỉ gặp nhau vào dịp tết nguyên đán, từ đó tình cảm của ông U và bà Ng ngày càng lạnh nhạt và không thể hàn gắn tình cảm được nên ông U đồng ý ly hôn với bà Ng. Hiện tại, em Nguyễn Văn Q là con chung của ông U và bà Ng, đang làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh cùng bà Ng.

Hội đồng xét xử công bố Kết quả xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 08/5/2020 của Uỷ ban nhân dân xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang về việc bà Ng và ông U không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang do ông Nguyễn Văn U cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

- Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Ng khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn U. Ông U đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 21, ấp H, xã LA, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

- Kiểm sát tuân theo pháp luật: Vụ án Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Vào năm 1993, bà Nguyễn Thị Ng và ông Nguyễn Văn U tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, bà Ng và ông U chung sống hạnh phúc, đến năm 1995, bà Ng và ông U phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, tính tình không hòa hợp, bà Ng và ông U sống xa nhau từ năm 1995 cho đến nay. Bà Ng yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn U và ông U đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Ng.

Theo Kết quả xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 08/5/2020 của Uỷ ban nhân dân xã Long An về việc bà Ng và ông U không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng*".

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*".

Bà Ng và ông U chung sống với nhau có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Xét, không công nhận bà Nguyễn Thị Ng và ông Nguyễn Văn U là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai bị đơn và tại phiên toà, bà Ng và ông U đồng thống nhất khai có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh năm 1994. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động. Xét, con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung, bà Ng và ông U đồng thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Ng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Ng đã nộp. Ông U không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Ng và ông Nguyễn Văn U là vợ chồng.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0002587 ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu; Bà Ng đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Văn U không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Văn U là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ng là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương